TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/DS-ST
Ngày: 08-9-2023
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre*** tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị P**, sinh năm 1959 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Bà **Đặng Thị Cẩm H**, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

4. *Người làm chứng (nguyên đơn yêu cầu)*:

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1972 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Lâm Thị Kim H1**, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Lâm Thị Kim L1**, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B2, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản làm việc, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị P trình bày:

Bà làm chủ hụi, bà H có tham gia chơi hụi do bà làm chủ, cụ thể:

Một dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 20/02/2021, mãn hụi ngày 20/02/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 25 phần, bà H tham gia 01 phần và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà tính từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023 là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Hai dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 20/02/2021, mãn hụi ngày 20/02/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 25 phần/dây, bà H tham gia 01 phần/dây và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà tính từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023 là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Một dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/7/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 21 phần, bà H tham gia 01 phần và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà tính từ tháng 01/2023 đến tháng 07/2023 là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Hai dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/8/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần/dây, bà H tham gia 01 phần/dây và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà tính từ tháng 01/2023 đến tháng 08/2023 là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

Ba dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần/dây, bà H tham gia 01 phần/dây và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Tổng số tiền hụi bà H chưa đóng tính đến tháng 8/2023 là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Ông T và bà H là vợ chồng sống chung nhà nên ông T biết việc bà H chơi 09 dây hụi trên. Ngoài ra, ông T có đến nhà bà đóng tiền hụi, bà cũng có đến nhà ông T góp tiền hụi. Trong vụ án trước đây bà khởi kiện 09 dây hụi trên, yêu cầu trả tiền hụi chưa đóng

đến thành 12/2022 thì ông T có đến Tòa án và đồng ý liên đới cùng bà H trả số nợ hụi cho bà.

Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu bà H và ông T liên đới trả số nợ hụi tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà không yêu cầu bà H và ông T liên đới trả số tiền hụi của tháng 9/2023, tháng 10/2023 và số nợ hụi chưa đóng là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng của tháng 7/2022 trong vụ án này, bà sẽ khởi kiện vụ án khác.

Theo bản khai, biên bản làm việc, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:

Ông không có chơi hụi do bà P làm chủ, cũng không biết bà H có chơi hụi do bà P làm chủ. Sau khi các chủ hụi (trong đó có bà P) đến nhà yêu cầu trả tiền hụi thì ông mới biết bà H có chơi hụi nhưng lúc đầu ông nghĩ là chơi ít, sau khi bể hụi (02 – 03 tháng nay) thì ông mới biết là bà H chơi hụi nhiều và còn nợ tiền hụi của rất nhiều người. Ông không đồng ý cho bà H chơi hụi nhưng bà H vẫn chơi, khi các chủ hụi (trong đó có bà P) đến nhà yêu cầu trả tiền hụi, ông có đuổi họ về. Kinh tế trong gia đình là do ông và bà H cùng chăm lo, phát triển. Ông chỉ biết bà H buôn bán, dùng tiền buôn bán chăm lo cho kinh tế gia đình, việc bà H chơi hụi của ai, chơi như thế nào thì ông không biết, ông cũng không biết bà H dùng tiền chơi hụi để làm gì.

Trước đây, bà P có khởi kiện bà H và ông về tiền vay và tiền hụi của 09 dây hụi trên tính đến tháng 12/2022, ông có đồng ý liên đới với bà H trả nợ cho bà P. Nay bà P khởi kiện tiếp tục, hiện ông không có tiền trả cho bà P. Về Giấy hụi mà bà P cung cấp cho Tòa án thì dòng chữ cuối "Tổng số tiền hụi còn thiếu đến tháng 10/2023 là số tiền: 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu)" và chữ ký "H", chữ viết họ tên "Đặng Thị Cẩm H" là của bà H. Căn cứ vào dòng chữ này, ông cam kết đến tháng 10/2023 ông sẽ cùng bà H liên đới trả cho bà P đủ số tiền hụi 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng, hoặc trả 02 lần là tháng 10/2023 trả 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng, tháng 12/2023 trả số tiền hụi còn lại. Nếu bà P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện thì ông không đồng ý liên đới với bà H trả nợ hụi cho bà P nhưng ông vẫn thừa nhận về Giấy hụi mà bà P cung cấp cho Tòa án thì dòng chữ cuối "Tổng số tiền hụi còn thiếu đến tháng 10/2023 là số tiền: 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu)" và chữ ký "H", chữ viết họ tên "Đặng Thị Cẩm H" là của bà H.

Theo biên bản làm việc và tại phiên tòa, người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà có tham gia 09 dây hụi do bà P làm chủ, là 09 dây hụi mà bà P đang khởi kiện bà H và ông T trong vụ án này (trong giấy tờ hụi bà P ghi tên bà là LD), cụ thể bà H có tham gia chơi các dây hụi gồm:

Một dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 20/02/2021, mãn hụi ngày 20/02/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 25 phần.

Hai dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 20/02/2021, mãn hụi ngày 20/02/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 25 phần/dây.

Một dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/7/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 21 phần.

Hai dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/8/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần/dây.

Ba dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần/dây.

Chín dây hụi này bà còn giữ giấy tờ. Hụi khui tại nhà bà P, mỗi lần khui hụi bà H đều có đến khui, khui nhiều lần bà H mới hốt hụi. Còn việc bà H hốt hụi khi nào, bao nhiêu thì bà không nhớ, giấy tờ do bà P là chủ hụi nắm giữ; việc đóng hụi, gom hụi giữa bà P và bà H như thế nào, số tiền nợ hụi giữa bà P và bà H bao nhiêu thì bà không biết; việc của ông T, bà cũng không biết.

Bà cam đoan lời khai trên của bà là đúng sự thật, có gì sai trái bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Theo biên bản làm việc, người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà có tham gia 09 dây hụi do bà P làm chủ, là 09 dây hụi mà bà P đang khởi kiện bà H và ông T (trong giấy tờ hụi bà P ghi tên bà là Đ), cụ thể bà H có tham gia chơi các dây hụi gồm:

Dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/7/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 21 phần.

Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi tháng 8/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần.

Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/8/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần.

Dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần.

Dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần.

Dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần.

Sáu dây hụi này bà còn giữ giấy tờ. Riêng ba dây hụi đã mãn vào tháng 02/2023 bà không còn giữ giấy tờ nên không nhớ cụ thể nhưng bà H có tham gia chơi.

Hụi khui tại nhà bà P, mỗi lần khui hụi bà H đều có đến khui, khui nhiều lần bà H mới hốt hụi. Còn việc bà H hốt hụi khi nào, bao nhiêu thì bà không nhớ, giấy tờ do bà P là chủ hụi nắm giữ; việc đóng hụi, gom hụi giữa bà P và bà H như thế nào, số tiền nợ hụi giữa bà P và bà H bao nhiêu thì bà không biết; việc của ông T, bà cũng không biết.

Bà cam đoan lời khai trên của bà là đúng sự thật, có gì sai trái bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án "Tranh chấp hụi" giữa bà P và bà H, ông T.

Theo biên bản làm việc, người làm chứng bà Lâm Thị Kim L1 trình bày:

Bà có tham gia 09 dây hụi do bà P làm chủ, là 09 dây hụi mà bà P đang khởi kiện bà H và ông T (trong giấy tờ hụi bà P ghi tên bà là X), cụ thể bà H có tham gia chơi các dây hụi gồm:

Dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/7/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 21 phần.

Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi tháng 8/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần.

Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/8/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần.

Dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần.

Dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần.

Dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần.

Sáu dây hụi này bà còn giữ giấy tờ. Riêng ba dây hụi đã mãn vào tháng 02/2023 bà không còn giữ giấy tờ nên không nhớ cụ thể nhưng bà H có tham gia chơi.

Hụi khui tại nhà bà P, mỗi lần khui hụi bà H đều có đến khui, khui nhiều lần bà H mới hốt hụi. Còn việc bà H hốt hụi khi nào, bao nhiêu thì bà không nhớ, giấy tờ do bà P là chủ hụi nắm; việc đóng hụi, gom hụi giữa bà P và bà H như thế nào, số tiền nợ hụi giữa bà P và bà H bao nhiêu thì bà không biết; việc của ông T, bà cũng không biết.

Bà cam đoan lời khai trên của bà là đúng sự thật, có gì sai trái bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án "Tranh chấp hụi" giữa bà P và bà H, ông T.

Theo biên bản làm việc, người làm chứng bà Lâm Thị Kim H1 trình bày:

Bà có tham gia 09 dây hụi do bà P làm chủ, là 09 dây hụi mà bà P đang khởi kiện bà H và ông T, cụ thể bà H có tham gia chơi các dây hụi gồm:

Dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/7/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 21 phần (bà chơi dùm cho T1 là cháu bà, đi khui hụi là bà đi khui, tiền hụi là bà nhận).

Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi tháng 8/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần (bà chơi dùm cho X là con bà, đi khui hụi là bà đi khui, tiền hụi là bà nhận).

Dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/8/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần (trong giấy tờ hụi bà P ghi tên bà là vợ L2).

Dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần (trong giấy tờ hụi bà P ghi tên bà là vợ L2).

Dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần (trong giấy tờ hụi bà P ghi tên bà là vợ L2).

Dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần (trong giấy tờ hụi bà P ghi tên bà là vợ L2).

Sáu dây hụi này bà còn giữ giấy tờ. Riêng ba dây hụi đã mãn vào tháng 02/2023 bà không còn giữ giấy tờ nên không nhớ cụ thể nhưng bà H có tham gia chơi.

Hụi khui tại nhà bà P, mỗi lần khui hụi bà H đều có đến khui, khui nhiều lần bà H mới hốt hụi. Còn việc bà H hốt hụi khi nào, bao nhiêu thì bà không nhớ, giấy tờ do bà P là chủ hụi nắm giữ; việc đóng hụi, gom hụi giữa bà P và bà H như thế nào, số tiền nợ hụi giữa bà P và bà H bao nhiêu thì bà không biết; việc của ông T, bà cũng không biết.

Bà cam đoan lời khai trên của bà là đúng sự thật, có gì sai trái bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án "Tranh chấp hụi" giữa bà P và bà H, ông T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn bà H đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người làm chứng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Theo Giấy hụi mà bà P cung cấp thì bà P và bà H có tổng kết lại số nợ hụi của 09 dây hụi đến tháng 10/2023 là 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng, cuối Giấy hụi này bà H có ký tên, ghi rõ họ tên. Ông T cùng thừa nhận trong Giấy hụi mà bà P cung cấp cho Tòa án thì dòng chữ cuối "Tổng số tiền hụi còn thiếu đến

tháng 10/2023 là số tiền: 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu)" và chữ ký "H", chữ viết họ tên "Đặng Thị Cẩm H" là của bà H. Trước đây, bà P có khởi kiện đối với 09 dây hụi theo Giấy hụi trên, bà H thừa nhận, đồng ý trả tiền hụi cho bà P đến tháng 12/2022, ông T cũng đồng ý liên đới cùng với bà H trả số nợ hụi cho bà P theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 11/2023/QĐCNHGT-DS ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông T và bà H là vợ chồng, cùng làm ăn chăm lo, phát triển kinh tế gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà H đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Do đó, căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà H và ông T liên đới trả cho bà P tổng cộng số tiền hụi tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này. Đối với số tiền hụi của tháng 9/2023, tháng 10/2023 và số nợ hụi chưa đóng là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng của tháng 7/2022, bà P không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc bà H và ông T liên đới trả số nợ hụi là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông T hiện đang cư trú tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà H cư trú tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre nhưng đã bỏ đi, hiện không biết ở đâu, nhưng theo hồ sơ yêu cầu hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2022, bà P yêu cầu bà H và ông T liên đới trả số tiền hụi tính đến tháng 12/2022 thì bà H hiện đang cư trú tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre và có đến Tòa án tham gia hòa giải. Do đó, có căn cứ xác định bà H cố tình giấu địa chỉ.

Như vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì đây là vụ án tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự và người làm chứng tại phiên tòa:

Bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Những người làm chứng là bà Đ, bà H1, bà L1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T và những người làm chứng là bà Đ, bà H1, bà L1.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P:

[3.1] Về yêu cầu bà H trả số tiền hụi là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi:

Theo bà P trình bày thì từ năm 2021 bà H có tham gia chơi 09 dây hụi do bà làm chủ và còn nợ lại tiền hụi từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng không đóng nên nay bà khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà P là Giấy hụi có nội dung tổng kết số nợ hụi của 09 dây hụi đến tháng 10/2023 là 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng, bà H viết, có ký tên và ghi rõ họ tên. Ông T là chồng bà H thừa nhận trong Giấy hụi mà bà P cung cấp cho Tòa án thì dòng chữ cuối "Tổng số tiền hụi còn thiếu đến tháng 10/2023 là số tiền: 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu)" và chữ ký "H", chữ viết họ tên "Đặng Thị Cẩm H" là của bà H. Những người làm chứng là bà L, bà Đ, bà L1, bà H1 đều xác nhận bà H có tham gia chơi hụi và có hốt 09 dây hụi mà bà P khởi kiện trong vụ án này. Ngoài ra, trước đây, bà P có khởi kiện đối với 09 dây hụi theo Giấy hụi trên, bà H thừa nhận có chơi 09 dây hụi này, đồng ý trả tiền hụi cho bà P đến tháng 12/2022 theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 11/2023/QĐCNHGT-DS ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tòa án đã nhiều lần mời bà H đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Do đó, có cơ sở xác định bà H có tham gia 09 dây hụi do bà P làm chủ và còn nợ tiền hụi của bà P tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, gồm:

Một dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 20/02/2021, mãn hụi ngày 20/02/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 25 phần, bà H tham gia 01 phần và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà P tính từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023 là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Hai dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 20/02/2021, mãn hụi ngày 20/02/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 25 phần/dây, bà H tham gia 01 phần/dây và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà P tính từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023 là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Một dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/7/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 21 phần, bà H tham gia 01 phần và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà P tính từ tháng 01/2023 đến tháng 07/2023 là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Hai dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/8/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần/dây, bà H tham gia 01 phần/dây và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà P tính từ tháng 01/2023 đến tháng 08/2023 là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

Ba dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023, mỗi tháng khui 01 lần, có 24 phần/dây, bà H tham gia 01 phần/dây và đã hốt hụi xong nhưng chưa đóng hụi cho bà P tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà P là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu ông T liên đới cùng bà H trả số nợ hụi:

Bà H tham gia chơi hụi do bà P làm chủ trong một thời gian dài (từ năm 2021). Ông T và bà H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre năm 1996 và từ khi sau kết hôn, ông T và bà H cùng sinh sống tại địa chỉ khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Tại Biên bản làm việc ngày 12/7/2023 và tại Biên bản xác minh ngày 01/8/2023 thì kinh tế trong gia đình đều do ông T và bà H cùng chăm lo, phát triển; ông T thừa nhận sau khi các chủ hụi (trong đó có bà P) đến nhà yêu cầu trả tiền hụi thì ông mới biết bà H có chơi hụi nhưng lúc đầu ông nghĩ là chơi ít, sau khi bể hụi thì ông mới biết là bà H chơi hụi nhiều và còn nợ tiền hụi của rất nhiều người.

Trước đây, bà P có khởi kiện đối với 09 dây hụi theo Giấy hụi trên, ông T cũng đồng ý liên đới cùng với bà H trả số nợ hụi của 09 dây hụi cho bà P tính đến tháng 12/2022 theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 11/2023/QĐCNHGT-DS ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tại Biên bản hòa giải ngày 14/6/2023, ông T cũng thừa nhận trước đây bà P có khởi kiện bà H và ông về tiền vay và tiền hụi của 09 dây hụi trên tính đến tháng 12/2022, ông có đồng ý liên đới với bà H trả nợ cho bà P; nay bà P khởi kiện tiếp tục, hiện ông không có tiền trả cho bà P; căn cứ vào dòng chữ cuối trong Giấy hụi mà bà P cung cấp là chữ viết, chữ ký của bà H, ông cam kết đến tháng 10/2023 ông sẽ cùng bà H liên đới trả cho bà P đủ số tiền hụi 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng, hoặc trả 02 lần là tháng 10/2023 trả 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng, tháng 12/2023 trả số tiền hụi còn lại; nếu bà P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện thì ông không đồng ý liên đới với bà H trả nợ hụi cho bà P.

Như vậy, căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc ông T liên đới với bà H trả số nợ hụi cho bà P.

[4] Đối với số tiền hụi của tháng 9/2023, tháng 10/2023 và số nợ hụi chưa đóng là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng của tháng 7/2022, bà P không yêu cầu bà H và ông T liên đới trả trong vụ án này, bà sẽ khởi kiện vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P, buộc bà H và ông T liên đới trả cho bà P tổng cộng số tiền hụi tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng do bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T phải liên đới nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị P:

Buộc bà Đặng Thị Cẩm H và ông Lê Văn T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lâm Thị P số tiền hụi tổng cộng là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 của 09 dây hụi, cụ thể:

Số tiền hụi tính từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023 là 4.000.000 (bốn triệu) đồng của dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 20/02/2021, mãn hụi ngày 20/02/2023.

Số tiền hụi tính từ tháng 01/2023 đến tháng 02/2023 là 4.000.000 (bốn triệu) đồng của 02 dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 20/02/2021, mãn hụi ngày 20/02/2023.

Số tiền hụi tính từ tháng 01/2023 đến tháng 7/2023 là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng của dây hụi 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/7/2023.

Số tiền hụi tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng của 02 dây hụi 1.000.000 (một triệu) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/8/2023.

Số tiền hụi tính từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023 là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng của 03 dây hụi 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, mở hụi ngày 16/11/2021, mãn hụi ngày 16/10/2023.

Ghi nhận bà Lâm Thị P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng do bị đơn bà Đặng Thị Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T phải liên đới nộp.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến